TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày: 24/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Đạm

2. Ông Đoàn Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1995; Tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị L; Có vợ là Lò Thị H và có 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 02/11/2018 đến ngày 08/11/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Ph - Sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn B - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền đánh lô đề, vào khoảng 07 giờ ngày 04/9/2018 lợi dụng ông Nguyễn Văn Ph đang ngủ, Nguyễn Văn N (là con trai ông Ph) đã lén lút đi lại chỗ ông Ph đang ngủ lấy chìa khóa xe máy và giấy tờ xe để ở gối, sau đó N đi lại bàn uống nước trong phòng khách cầm chìa khóa gian nhà ngang xuống mở cửa và dắt xe mô tô BKS 36B3-56510 ra khỏi nhà và chạy xe lên thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa cầm cố chiếc xe cho một người đàn ông có tên là Bo mà N mới quen với giá 15.000.000đ, N hẹn 10 ngày sau quay lại lấy xe. Sau khi cầm cố xe, N ra Hà Nội, đến ngày 13/9/2018 do đã tiêu hết số tiền trên không còn tiền để lấy xe ra nên N đã gọi điện cho anh Lê Văn B và nói với B "Chú lên Quán Lào chuộc hộ xe cháu với, cháu cắm 15.000.000đ hết hạn rồi không lấy họ thanh lý hết", B hỏi xe của ai, N trả lời "xe bố cho cháu". B đồng ý lấy xe ra cho N, đến sáng ngày 14/9/2018 N và B lên thị trấn Quán Lào chuộc xe với số tiền là 16.000.000đ, sau khi chuộc được xe, N hỏi vay anh B thêm 7.000.000đ để lo cho vợ sắp đẻ và nói với anh B cầm xe làm tin, sau một tháng nếu N không trả tiền thì B cứ bán xe, thừa thiếu thế nào N bù sau. Sau khi bị mất xe ông Ph đã báo cáo Công an. Đến ngày 02/11/2018 nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Văn N đã đến công an huyện Hà Trung đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31 ngày 07/11/2018 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Hà Trung định giá chiếc xe mô tô BKS 36B3-56510 có giá trị là 25.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 11/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là vi phạm phát luật, nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Hà Trung, Điều tra viên; Viện Kiểm sát huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục và thời gian theo quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào sáng 04/9/2018, tại nhà ông Ph ở thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nguyễn Văn N đã lợi dụng lúc bố mình đang ngủ say, đã lén lút, bí mật trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36B3-56510, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade có giá trị 25.000.000đ của ông Nguyễn Văn Ph mang đi cầm cố tại thị trấn Q, huyện Y lấy 15.000.000đ để chi tiêu cá nhân. Như vậy hành của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản".

[**3**]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Quyền sở hữu tài sản luôn được pháp luật bảo vệ nhưng N đã không bỏ sức lao động chân chính để có được, lợi dụng ông Ph là bố đẻ đang ngủ đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô mang đi cầm cố. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm, táo tợn, gây hoang mang tâm lý trong nhân dân và gây mất trật tự xã hội nên cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[**4**]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tác động cho vợ khắc phục hậu quả, bản thân đã có thời gian tham gia quân đội và sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ nguy hiểm của tội phạm: Do bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử thấy rằng không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương theo dỏi giám sát cũng đủ điều kiện N sau này trở thành người công dân tốt.

[**5**]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[**6**]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 36B3-56510 là xe của ông Nguyễn Văn Ph nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung đã trả lại cho ông Ph, ông Ph đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên miễn xét.

Đối với anh Lê Văn B, sau khi biết chiếc xe N nhờ chuộc hộ là xe của ông Nguyễn Văn Ph báo mất trộm, đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Hà Trung để phục vụ quá trình điều tra, anh B đã nhận số tiền 20.000.000đ từ chị Lò Thị H (vợ của Nguyễn Văn N) là số tiền đã chuộc xe cho N và cho N vay. Hiện nay đang còn thiếu 3.000.000đ anh B đề nghị sau này sẽ lấy của N và không yêu cầu gì. Xét thấy đây là tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N: 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn N.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về án phí*: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, đối với N và ông Ph kể từ ngày tuyên án, đối với anh B kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Công an huyện Hà Trung;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn